WITHOUT TREND 2 – GẤP ĐÔI – GẤP 3 (TÍNH TỪ)

Số lượng / tỉ lệ cái gì			thì	cao gấp mấy lần			số lượng / tỉ lệ cái kia.
The percentage The number The amount	**of**	**Subject**	**(be)**	**(nearly)**	**twice three times threefold**	**as big as as high as**	**that of ….**
The percentage	of	sushi	was	nearly	twice as big as		that of hamburgers.
Tỉ lệ phần trăm		sushi	thì	gần gấp đôi			tỉ lệ phần trăm hamburger.

Practice: (sau khi viết xong thì thêm số liệu: …., at / accounting for …. respectively)

In 2000, ….

1. French fries – 26% - chips – 14%

2. Clothing – 58% - transport – 30%

3. Food 35% - travelling 18%

4. Sponsorship – 40% - TV advertisement - 20%

5. Shopping – 9% - going to the cinema 5%

LIVEWORKSHEETS